

## **CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

### **I. Giới thiệu về dự án và gói thầu**

#### **1. Thông tin về dự án:**

1.1. Tên dự án: Điều tra hiện trạng rừng trên địa bàn thành phố Huế.

1.2. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách thành phố.

1.3. Mục đích: Xác định được hiện trạng diện tích, trữ lượng rừng và trữ lượng các bon rừng đối với toàn bộ diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng và đất chưa có rừng (quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp) trên địa bàn thành phố; phân theo mục đích sử dụng rừng, chủ rừng và đơn vị hành chính, làm cơ sở dữ liệu phục vụ các hoạt động quản lý tài nguyên rừng và theo dõi, cập nhật diễn biến rừng hằng năm; đồng thời quản lý rừng bền vững và phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.

1.4. Yêu cầu:

- Nội dung, phương pháp và sản phẩm điều tra rừng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng của Cục Kiểm lâm (Nay là Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm).

- Sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám độ phân giải cao theo quy định tại Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 04/1/2019 của Chính phủ về hoạt động viễn thám; Thông tư số 39/2023/TT-BTC ngày 09/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia để thực hiện điều tra hiện trạng rừng.

- Số liệu điều tra diện tích, trữ lượng rừng đảm bảo độ chính xác (sai số cho phép); phải khách quan, minh bạch, phản ánh đúng tiêu chí rừng theo quy định; được UBND cấp xã xác nhận và UBND thành phố công bố theo quy định.

- Kết quả điều tra bao gồm hệ thống bản đồ, số liệu, báo cáo kết quả theo quy định; sản phẩm điều tra rừng gồm cả dạng số và dạng bản giấy.

1.5. Phạm vi: Toàn bộ diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng và đất chưa có rừng (quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp) trên địa bàn thành phố Huế.

1.6. Quy mô: Tổng diện tích tiến hành điều tra rừng (theo Quyết định số 310/QĐ-UBND của UBND thành phố Huế) là 338.190,29 ha; trong đó:

- Rừng tự nhiên: 205.581,66 ha.

- Rừng trồng: 100.608,02 ha (bao gồm diện tích đã trồng nhưng chưa thành rừng).

- Đất chưa có rừng (quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp): 32.000,61 ha

#### **1.2. Thông tin về gói thầu:**

- Tên gói thầu: Gói thầu số 04: Tư vấn điều tra hiện trạng rừng.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn 02 túi hồ sơ.

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 09 tháng

## **2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu:**

Mục tiêu của dịch vụ tư vấn là lựa chọn nhà thầu tư vấn thực hiện Điều tra hiện trạng rừng trên địa bàn thành phố Huế.

## **II. Phạm vi công việc**

### **1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc:**

- Tên gói thầu: Gói thầu số 04: Tư vấn điều tra hiện trạng rừng.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn 02 túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 09 tháng
- Nội dung công việc thực hiện Điều tra hiện trạng rừng trên địa bàn thành phố Huế, bao gồm:

+ Điều tra diện tích rừng: Điều tra diện tích rừng tự nhiên nguyên sinh, rừng tự nhiên thứ sinh; diện tích rừng núi đất, rừng núi đá, rừng trên đất ngập nước và rừng trên cát; diện tích rừng trồng theo loài cây, cấp tuổi; diện tích khoanh nuôi tái sinh, diện tích mới trồng chưa thành rừng, diện tích khác đang được sử dụng để bảo vệ phát triển rừng; diện tích các trạng thái rừng theo chủ rừng và theo đơn vị hành chính cấp xã.

+ Điều tra trữ lượng rừng: Điều tra trữ lượng gỗ của rừng tự nhiên và rừng trồng; trữ lượng tre nứa của rừng tự nhiên và rừng trồng; trữ lượng gỗ và trữ lượng tre nứa của rừng hỗn giao gỗ và tre nứa.

+ Tính trữ lượng các-bon rừng (thực hiện theo quy định tại Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng).

### **2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể:**

#### 2.1. Nội dung

##### 2.1.1. Điều tra diện tích rừng

##### 2.1.2. Điều tra trữ lượng rừng

2.1.3. Tính trữ lượng các-bon rừng (thực hiện theo quy định tại Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng).

#### 2.2. Phương pháp

##### 2.2.1. Điều tra diện tích rừng

###### 2.2.1.1. Thu thập các tài liệu liên quan

2.2.1.2. Mua bình đồ ảnh viễn thám đã nắn chỉnh mức 3B từ Cục Viễn thám quốc gia.

2.2.1.3. Chuẩn hóa các lớp bản đồ nền và bản đồ chuyên đề tham gia vào quá trình giải đoán

- 2.2.1.4. Xây dựng bản đồ giải đoán ảnh trong phòng
  - 2.2.1.4.1. Xây dựng mẫu khóa ảnh
  - 2.2.1.4.2. Phân loại ảnh viễn thám
- 2.2.1.5. Biên tập bản đồ hiện trạng rừng phục vụ điều tra thực địa
- 2.2.1.6. Biên tập, in bản đồ phục vụ điều tra thực địa
- 2.2.1.7. Hội nghị triển khai điều tra rừng cấp tỉnh
- 2.2.1.8. Điều tra, chỉnh lý, bổ sung bản đồ hiện trạng rừng sau giải đoán ảnh ngoài thực địa
  - 2.2.1.8.1. Nguyên tắc chia lô
  - 2.2.1.8.2. Xây dựng mẫu khóa ảnh kiểm chứng ngoài thực địa để phục vụ đánh giá độ chính xác giải đoán ảnh
  - 2.2.1.8.3. Kiểm tra khoanh vẽ, chỉnh lý, bổ sung bản đồ tại thực địa
- 2.2.1.9. Rà soát, bổ sung ranh giới chủ quản lý rừng
- 2.2.1.10. Rà soát, điều chỉnh bổ sung ranh giới ba loại rừng
- 2.2.1.11. Hiệu chỉnh kết quả sau điều tra thực địa và biên tập xây dựng bản đồ hiện trạng rừng cấp xã
- 2.2.1.12. Tạo và nhập thuộc tính và nhập thông tin cho từng lô rừng, đất chưa có rừng
- 2.2.1.13. Xử lý, thống kê và tổng hợp diện tích rừng và đất lâm nghiệp phục vụ báo cáo kết quả điều tra rừng
- 2.2.1.14. Tổng hợp, biên tập bản đồ thành quả cấp tỉnh
- 2.2.2. Điều tra trữ lượng rừng
- 2.2.3. Tính trữ lượng các-bon rừng  
(*Phương pháp tiến hành cụ thể thực hiện theo Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng*).

Trên đây là các nội dung chính của nhiệm vụ Điều tra hiện trạng rừng trên địa bàn thành phố Huế, nhà thầu tham khảo để trình bày phương pháp luận theo yêu cầu.

### **3. Sản phẩm hoàn thành:**

Thực hiện theo quy định tại điểm c các khoản 2, 3, 14 Điều 16 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT và Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng.

3.1. Quyết định phê duyệt và công bố kết quả điều tra rừng của UBND thành phố Huế.

3.2. Báo cáo kết quả điều tra diện tích, trữ lượng rừng và trữ lượng các-bon cấp tỉnh.

3.3. Hệ thống số liệu điều tra gốc, số liệu tổng hợp theo các Biểu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 36 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT và hệ thống các biểu tổng hợp theo Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng.

3.4. Hệ thống bản đồ và cơ sở dữ liệu (bản số và bản in)

### 3.1.1. Cấp xã

- Bản đồ hiện trạng rừng cấp xã thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11565-2016, Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT và Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng.

- Bản đồ số là bản đồ dạng GIS sử dụng Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000.

### 3.1.2. Cấp tỉnh

- Bản đồ hiện trạng rừng cấp tỉnh (được tổng hợp từ bản đồ hiện trạng rừng cấp xã) thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11565-2016, Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT và Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng.

- Bản đồ số là bản đồ dạng GIS sử dụng Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000.

## **4. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn:**

Sau khi ký kết hợp đồng.

## **III. Báo cáo và thời gian thực hiện:** Như trên.

## **IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:**

Đảm bảo điều kiện tối thiểu theo yêu cầu trong E-HSMT.

## **V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:**

Cung cấp điều kiện làm việc, cán bộ hỗ trợ của Chủ đầu tư và những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.

## **VI. Ghi chú:**

Giá dự toán gói thầu đã bao gồm Chi phí máy móc, thiết bị điều tra rừng, Chi phí vật tư dụng cụ, điện nước, thông tin liên lạc, Thu nhập chịu thuế tính trước, Thuế giá trị gia tăng (VAT) 8%

